

PHƯƠNG ÁN BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ DO THU HỒI ĐẤT ĐỂ THỰC HIỆN DỰ ÁN: MỞ RỘNG TRƯỜNG THCS DANH THẮNG, HUYỆN HIỆP HÒA; HẠNG MỤC: SÂN, CÔNG, TƯỜNG RÀO

Địa điểm : Thôn Danh Thượng 3, xã Danh Thắng, huyện Hiệp Hoà, tỉnh Bắc Giang

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm 2023 của UBND huyện)

Stt	Hộ gia đình, cá nhân	Thông tin thửa đất bị thu hồi						Hỗ trợ bàn giao mặt bằng sớm (khuyến khích tiến độ) (đồng)		Hỗ trợ do tự tháo dỡ công trình, bàn giao mặt bằng (đồng)	Tổng tiền hỗ trợ gia đình được nhận sau khi bàn giao mặt bằng (đồng)
		Thửa đất số	Tờ bản đồ	Loại đất	Tổng diện tích thửa đất (m2)	Diện tích thu hồi (m2)	Diện tích còn lại (m2)	Đơn giá (đồng)	Thành Tiền (đồng)		
1	Nguyễn Thị Minh	123	7	ONT	165,4	155,0	-	40.000	6.200.000	50.000.000	56.200.000
				DGT		10,4	-	-	-		-
2	Phạm Thị Quang	131	7	ONT	80,7	80,7	-	40.000	3.228.000	50.000.000	53.228.000
3	Nguyễn Thị Thắng (đã chết), hàng thừa kế và thành viên hộ gồm: Bà Nguyễn Thị Thủy, bà Nguyễn Thị Chung, ông Nguyễn Hữu Bình, ông Nguyễn Hữu An, bà Nguyễn Thị Thảo, bà Nguyễn Thị Hiền, bà La Thị Khuyên, ông Nguyễn Hữu Thông, ông Nguyễn Hữu Minh, ông Nguyễn Hữu Dân, bà Nguyễn Thị Dung, ông Nguyễn Hữu Quân, bà Nguyễn Thị Mười	130	7	ONT	51,8	44,0	-	40.000	1.760.000	50.000.000	51.760.000
				DGT		7,8	-	-	-	-	-
	Tổng cộng	-	-	-	297,9	297,9	-	-	11.188.000	150.000.000	161.188.000

PHƯƠNG ÁN BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ DO THU HỒI ĐẤT ĐỂ THỰC HIỆN DỰ ÁN: MỞ RỘNG TRƯỜNG THCS DANH THẮNG, HUYỆN HIỆP HÒA; HẠNG MỤC: SÂN, CÔNG, TƯỜNG RÀO

Địa điểm khu đất: Thôn Danh Thượng 3, xã Danh Thắng, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm 2023 của UBND huyện)

STT	Đại diện hộ gia đình, cá nhân	Thông tin thửa đất bị thu hồi						Kinh phí bồi thường Khi nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án				Thông tin lô đất được bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án						Tổng số tiền hộ gia đình, cá nhân phải nộp ngân sách Nhà nước sau khi đối trừ tiền lô đất được bồi thường và kinh phí bồi thường đất khi Nhà nước thu hồi (đồng)	Tổng số tiền hộ gia đình, cá nhân được nhận sau khi đối trừ tiền lô đất được bồi thường và kinh phí bồi thường đất khi Nhà nước thu hồi (đồng)	
		Thửa đất số	Tờ bản đồ	Loại đất	Tổng diện tích thửa đất (m2)	Diện tích thu hồi (m2)	Diện tích còn lại (m2)	Khu vực, vị trí	Bồi thường đất		Tổng kinh phí bồi thường, hỗ trợ	STT	Địa chỉ lô đất được bồi thường	Số lô	Loại đất	Diện tích (m2)	Đơn giá (đồng)			Thành Tiền (đồng)
									Đơn giá (đ/m2)	Thành Tiền (đồng)										
A	B	C	D	E	1	2	3=1-2	4	5	6=5*2	7=6	8	9	10	11	12	13	14=12*13	15=14-7	16=14-7
1	Nguyễn Thị Minh	123	7	ONT	165,4	155,0	-	1	11.000.000	1.705.000.000	1.705.000.000	1	Điểm dân cư thôn Trung Phú, xã Danh Thắng	1	ONT	114,0	11.000.000	1.254.000.000	-	451.000.000
				DGT		10,4	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2	Phạm Thị Quang	131	7	ONT	80,7	80,7	-	1	11.000.000	887.700.000	887.700.000	2	Điểm dân cư thôn Trung Phú, xã Danh Thắng	4	ONT	113,5	11.000.000	1.248.500.000	(360.800.000)	-
3	Nguyễn Thị Thắng (đã chết), hàng thừa kế và thành viên hộ gồm: Bà Nguyễn Thị Thủy, bà Nguyễn Thị Chung, ông Nguyễn Hữu Bình, ông Nguyễn Hữu An, bà Nguyễn Thị Thảo, bà Nguyễn Thị Hiền, bà La Thị Khuyến, ông Nguyễn Hữu Thông, ông Nguyễn Hữu Minh, ông Nguyễn Hữu Dân, bà Nguyễn Thị Dung, ông Nguyễn Hữu Quân, bà Nguyễn Thị Mười	130	7	ONT	51,8	44,0	-	1	11.000.000	484.000.000	484.000.000	3	Điểm dân cư thôn Trung Phú, xã Danh Thắng	3	ONT	113,5	11.000.000	1.248.500.000	(764.500.000)	-
				DGT		7,8	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
	Tổng cộng	-	-	-	297,9	297,9	-	-	33.000.000	3.076.700.000	3.076.700.000	-	-	-	-	341,0	-	3.751.000.000	(1.125.300.000)	451.000.000

Tổng kinh phí bồi thường, hỗ trợ GPMB 3.138.234.000 đồng

(Bằng chữ: Ba tỷ, một trăm ba mươi tám triệu, hai trăm ba mươi bốn nghìn đồng chẵn)

Bao gồm:

Bồi thường, hỗ trợ đất 3.076.700.000 đồng.

Chi phí giải phóng mặt bằng 2% 61.534.000 đồng.

**PHƯƠNG ÁN BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ DO THU HỒI ĐẤT ĐỂ THỰC HIỆN DỰ ÁN: MỞ RỘNG TRƯỜNG THCS DANH THẮNG, HUYỆN HIỆP HÒA;
HẠNG MỤC: SÂN, CÔNG, TƯỜNG RÀO**

Địa điểm : Thôn Danh Thượng 3, xã Danh Thắng, huyện Hiệp Hoà, tỉnh Bắc Giang

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm 2023 của UBND huyện)

Stt	Hộ gia đình, cá nhân	Thửa đất số	Tờ bản đồ	Loại đất	Tổng diện tích thửa đất (m ²)	Diện tích thu hồi (m ²)	Diện tích còn lại (m ²)	Bồi thường, hỗ trợ hoa màu, cây cối, công trình trên đất				Tổng kinh phí bồi thường, hỗ trợ	
								Hạng mục	Số lượng	Đơn giá (đồng)	Thành Tiền (đồng)		
A	B	C	D	E	1	2	3=1-2	4	5	6	7=5*6	8=7	
1	Nguyễn Thị Minh	123	7	ONT	165,4	155,0	-	-	-	-	-	-	158.819.000
				DGT		10,4	-	-	-	-			
								Nhà cấp 4 loại 2, không có công trình phụ: (dài 7,1m*rộng 5,4m)=38,34m ²	38,34	2.850.000	109.269.000		
							Nhà bếp loại C (dài 4,5m* rộng 3,0m)=13,5m ²	13,5	940.000	12.690.000			
							Chuồng chăn nuôi loại C: (dài 5,7m* rộng 2,6m)=14,82m ²	14,82	800.000	11.856.000			
							Nhà vệ sinh loại C: (dài 2,0m*rộng 1,3m)=2,6m ²	2,6	420.000	1.092.000			
							Bể chứa nước có tấm đan dày 110 trát vữa xi măng 1 mặt: (dài 2,0m* rộng 1,5m* cao 2,0m)=6m ³	6,0	1.460.000	8.760.000			
							Tường xây gạch chi 110mm: (dài 0,6m*cao 1,5m)=0,9m ²	0,9	430.000	387.000			
							Khối xây gạch (0,33*dài 1,9m*cao 2,4m)=1,5m ³	1,5	1.320.000	1.980.000			
							Tường xây gạch chi 220mm (dài 0,45m*cao 2,0m)=0,9m ²	0,9	580.000	522.000			
				01 Giếng đào: ĐK 1m, sâu >10m cuộn gạch từ đáy lên	1	12.100.000	12.100.000						
				Xà cừ ĐK 19cm	1	163.000	163.000						

2	Phạm Thị Quang	131	7	ONT	80,7	80,7	-	-	-	-	-	225.255.700
								Nhà cấp 4 loại 1: (Dài 6,5m*rộng 4,15m)=26,97m ²	26,97	3.400.000	91.698.000	
								Nhà cấp 4 loại 1, có công trình phụ: (Dài 5,5m*rộng 4,40m)=24,2m ²	24,2	3.570.000	86.394.000	
								Nhà tạm loại B (Dài 6,30m*rộng 2,30m)=14,49m ²	14,49	1.230.000	17.822.700	
								Hiên trước nhà: (dài 6,5m*rộng 1,20m)=7,8m ²	7,8	910.000	7.098.000	
								Bán mái cột kèo bằng sắt, lợp tôn (Dài 12,25m*rộng 1,20m)=14,7m ²	14,7	690.000	10.143.000	
			01 Giếng đào: ĐK 1m, sâu >10m cuộn gạch từ đáy lên	1	12.100.000	12.100.000						
3	Nguyễn Thị Thắng (đã chết), hàng thừa kế và thành viên hộ gồm: Bà Nguyễn Thị Thủy, bà Nguyễn Thị Chung, ông Nguyễn Hữu Bình, ông Nguyễn Hữu An, bà Nguyễn Thị Thảo, bà Nguyễn Thị Hiền, bà La Thị Khuyên, ông Nguyễn Hữu Thông, ông Nguyễn Hữu Minh, ông Nguyễn Hữu Dân, bà Nguyễn Thị Dung, ông Nguyễn Hữu Quân, bà Nguyễn Thị Mười	130	7	ONT	51,8	44,0	-	-	-	-	-	77.971.000
				DGT		7,8	-	-	-	-		
							Nhà cấp 4 loại 1, không có công trình phụ: (Dài 7,10m*rộng 2,80m)=19,88m ²	19,88	3.400.000	67.592.000		
							Bán mái cột kèo bằng sắt, lợp tôn (Dài 7,10m*rộng 1,0m)=7,10m ²	7,1	690.000	4.899.000		
							Giếng đất đào ĐK 0,8m, sâu 6,0m	1	3.580.000	3.580.000		
			2 cây mít Đk 30cm	2	950.000	1.900.000						
Tổng cộng		-	-	-	297,9	297,9	-	-	-	-	462.045.700	462.045.700

Tổng kinh phí bồi thường, hỗ trợ GPMB**471.286.700 đồng***(Bằng chữ: Bốn trăm bảy mươi một triệu, hai trăm tám mươi sáu nghìn bảy trăm đồng)***Bao gồm:**

Bồi thường, hỗ trợ hoa màu, cây cối, công trình trên đất

462.045.700 đồng.

Chi phí giải phóng mặt bằng 2%

9.241.000 đồng.